

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HS-PT

Ngày: 27/7/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn và ông Nguyễn Minh Tân

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Thị S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2021/HSST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo kháng cáo:

Phạm Thị S, sinh năm 1955 tại thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: số nhà 271, phố S, khu dân cư số 1, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: hưu trí; Trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Khắc N và bà Lương Thị T (đều đã chết); có chồng là: Phạm Bá M, sinh năm 1950 và 3 con, con lớn sinh năm 1979, con nhỏ sinh năm 1983; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Phạm Văn X, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981.

Đều có địa chỉ: Khu dân cư số 01, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt).

2.3. Người làm chứng:

- Anh Phương Văn Đ, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu dân cư số 01, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Anh Phương Văn D, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu dân cư B 1, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Chị Trần Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ: B, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Anh Bùi Văn N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu dân cư số 1, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(Những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình anh Phạm Văn X, vợ là chị Nguyễn Thị T và bị cáo Phạm Thị S là hàng xóm liền kề nhau ở khu dân cư số 1, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sáng ngày 23/4/2018, gia đình anh X và chị T tiến hành đổ bê tông mái tầng 1 ngôi nhà đang xây dựng trên thửa đất số 07, tờ bản đồ số 16 ở khu dân cư số 01, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Thửa đất này đã được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 846913, vào sổ sổ CH05959 ngày 07/5/2015 cho anh X và chị T, diện tích $136m^2$, hình thức sử dụng riêng, với mục đích sử dụng: đất ở đô thị là $126,5m^2$ và đất trồng cây lâu năm (LNK) là $9,5m^2$, thời hạn sử dụng lâu dài. Việc xây dựng của gia đình anh X đã được Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy phép xây dựng số 174 ngày 15/3/2018. Khoảng 05 giờ 30 phút, việc đổ bê tông được tiến hành. Phạm Thị S cho rằng anh X xây dựng nhà đã lấn sang diện tích đất của gia đình mình nên khi nhà anh X đang đổ bê tông, bị cáo đã dùng vòi bơm nước bằng nhựa mềm, đường kính khoảng 03cm lắp vào téc nước trên mái nhà. Sau đó cầm vòi bơm phun nước dọc phần mái nhà phía tây đang đổ bê tông (giáp gia đình Phạm Thị S). Hậu quả làm bê tông không đông kết, bong bề mặt, trơ sắt và đá trên 02 vị trí có kích thước dài x rộng x sâu là $(11,9 \times 0,65 \times 0,06)$ m và $(8,6 \times 0,3 \times 0,03)$ m. Sau đó, Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) đã ra Thông báo số 02/TB-UBND ngày 15/01/2019, kết luận gia đình anh X đã thực hiện xây dựng nhà ở theo đúng giấy phép được cấp trên diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc gia đình ông Phạm Bá M và Phạm Thị S đề nghị đình chỉ xây dựng đối với công trình xây dựng của gia đình anh Phạm Văn X là không có cơ sở.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 26/4/2018 thể hiện: hiện trường nơi xảy ra vụ việc tại gia đình anh Phạm Văn X, ở khu dân cư số 01, phường P, thị xã C. Ngôi nhà đang xây dựng, đổ mái tầng 1, nhà xây kiên cố, phía đông giáp nhà bà O, phía tây giáp nhà gia đình Phạm Thị S. Tại khu vực

mái nhà đổ bê tông giáp tường nhà gia đình Phạm Thị S phát hiện lớp bê tông bị bung bật, lộ lớp đá, trải dài theo chiều dài của ngôi nhà 20,5m, điểm rộng nhất 65cm, điểm hẹp nhất 30cm, điểm lõm lớn nhất là 06 cm, nhỏ nhất 03 cm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 2712/KL-HĐĐG ngày 12/10/2018 của Hội đồng định giá UBND tỉnh Hải Dương kết luận: giá trị thiệt hại của phần mái nhà anh Phạm Văn X bị hư hỏng (gồm 02 vị trí có kích thước dài x rộng x sâu là: (11,9 x 0,65 x 0,06) m và (8,6 x 0,3 x 0,03) m là 7.300.000 đồng (Bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, anh Phạm Văn X giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra 01 USB màu bạc, loại 02G, mặt ngoài ghi chữ “Kingston®”, mặt còn lại ghi chữ “DTSE9 2GB”, bên trong UBS có chứa 07 tệp video được lưu tên: “AVSEQ01.DAT”, “AVSEQ03.DAT”, “AVSEQ04.DAT”, “AVSEQ06.DAT”, “AVSEQ09.DAT”, “AVSEQ11.DAT”, “AVSEQ12.DAT”, là các file video anh X ghi hình lại diễn biến việc Phạm Thị S có hành vi phun nước lên mái nhà đang đổ bê tông vào ngày 23/4/2018. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định các video trên.

Tại bản kết luận giám định số 3735/C09-P6 ngày 30/10/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trong các tệp video gửi giám định; đã trích xuất được 05 hình ảnh đối tượng có hành vi phun nước làm hư hỏng mái nhà gia đình anh X là Phạm Thị S.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2021/HSST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C đã căn cứ vào khoản 1 Điều 178, Điều 38, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự (BLHS); các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về án lệ phí Tòa án; Xử phạt bị cáo Phạm Thị S 09 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Thị S phải bồi thường cho anh Phạm Văn X và chị Nguyễn Thị T số tiền 7.300.000đồng. Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/5/2021 bị cáo Phạm Thị S kháng cáo toàn bộ bản án: Về tố tụng: Bị cáo không được nhận một số văn bản của cơ quan điều tra như: Quyết định khởi tố bị can, Quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, kết luận định giá tài sản; không được tham gia khám nghiệm hiện trường là không đảm bảo trình tự, thủ tục tố tụng; Về nội dung: Việc định giá không đúng quy định pháp luật. Bị cáo chỉ phun nước vào phần đất mà anh X, chị T lấn chiếm của gia đình bị cáo, mục đích là để ngăn chặn việc xây dựng của

gia đình anh X, bị cáo không có ý định hủy hoại hay làm hư hỏng tài sản của gia đình anh X.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Thị S giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo khai: Do gia đình anh X xây dựng lấn chiếm sang đất nhà bị cáo làm hỏng công trình như ảnh chụp (đã nộp). Bị cáo đã có nhiều đơn gửi các cơ quan nhưng chưa được giải quyết. Bị cáo phun nước vào mái bê tông để ngăn chặn việc xây dựng của gia đình anh X, bị cáo không cố ý làm hủy hoại hay làm hư hỏng tài sản của gia đình anh X. Công an không lập biên bản về hành vi lại tuyên bị cáo phạm tội là không có căn cứ. Bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết dứt điểm tranh chấp đất giữa gia đình bị cáo và gia đình anh X và xem xét việc gia đình anh X khi phá nhà để xây dựng đã làm hỏng và thiệt hại công trình nhà bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án, nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị S về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 BLHS là đúng người, đúng tội. Mức hình phạt bị cáo S 09 tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 355, Điều 356 BLTTHS giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo được miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm, phúc thẩm và án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Phạm Thị S trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Thị S thấy rằng:

2.1. Đối với kháng cáo về tố tụng: Bị cáo cho rằng bị cáo không được nhận Quyết định khởi tố bị can, Quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, kết luận định giá tài sản; không được tham gia khám nghiệm hiện trường; Việc định giá không đúng quy định pháp luật. Kiểm tra toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng công khai tại phiên tòa thì các văn bản tố tụng trên Cơ quan điều tra đã giao cho bị cáo nhưng bị cáo không nhận là khước từ quyền của mình. Việc khám nghiệm hiện trường là công khai, định giá đúng thành phần, trình tự theo quy định của pháp luật. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử

đã thực hiện đúng về thẩm quyền, các chứng cứ, tài liệu được thu thập đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do vậy, kháng cáo của bị cáo về nội dung này là không có căn cứ.

2.1. Đối với kháng cáo về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị S xác định có việc bị cáo phun nước vào phần mái nhà anh X đang đổ bê tông vì bị cáo cho rằng anh X, chị T lấn chiếm đất của gia đình bị cáo, mục đích là để ngăn chặn việc xây dựng của gia đình anh X, bị cáo không có ý định hủy hoại hay làm hư hỏng tài sản của gia đình anh X. Lời khai của bị cáo Phạm Thị S tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng tại cấp sơ thẩm, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 5 giờ 30 ngày 23/4/2018, tại gia đình anh Phạm Văn X và chị Nguyễn Thị T ở khu dân cư số 01, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương, khi gia đình anh X, chị T đổ bê tông mái tầng 1 nhà đang xây dựng thì Phạm Thị S cho rằng vợ chồng anh X và chị T xây dựng nhà lấn chiếm đất của gia đình mình nên có hành vi dùng vòi nước phun dọc phần mái nhà anh X đang đổ bê tông giáp ranh với đất nhà bị cáo S. Hậu quả làm bê tông không đông kết, bong bề mặt, trơ sắt và đá trên 02 vị trí có kích thước dài x rộng x sâu là: (11,9 x 0,65 x 0,06)m và (8,6 x 0,3 x 0,03)m. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 7.300.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quan hệ sở hữu về tài sản của bị hại. Bị cáo phun nước trực tiếp vào phần mái nhà đang đổ bê tông của nhà anh X, làm bê tông không thể đông kết được, gây hư hỏng và hậu quả phải sửa chữa khắc phục với thiệt hại 7.300.000 đồng. Tài liệu chứng cứ tại hồ sơ thể hiện rõ việc vợ chồng anh X xây dựng nhà đã được cấp phép xây dựng và làm trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Bị cáo S là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi của bị cáo là trái pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo cho rằng mình không phạm tội, thực hiện hành vi nêu trên chỉ là để bảo vệ tài sản hợp pháp của gia đình bị cáo. Lẽ ra, bị cáo có thể bảo tài sản của gia đình mình bằng việc lựa chọn các phương thức hợp pháp, nhưng bị cáo lại thực hiện hành vi phun nước vào một phần bê tông khi gia đình anh X đang đổ mái làm hư hỏng tài sản, thiệt hại 7.300.000đ. Hậu quả này do hành vi và có mối quan hệ nhân quả với hành vi của bị cáo gây ra. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo S về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai, nên kháng cáo của bị cáo nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại bản án của Tòa án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo lần đầu phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo không chỉ làm thiệt hại đến tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự, an ninh xã hội. Bản thân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không thể hiện sự ăn năn hối cải, nên cần có mức án nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy rằng mức hình phạt bị cáo S 09 tháng tù tại bản án sơ thẩm là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, cần giữ nguyên mức hình phạt tại bản án sơ thẩm.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo, cấp sơ thẩm không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo làm hư hỏng tài sản cho gia đình anh X với tổng giá trị thiệt hại là 7.300.000 đồng nên cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền trên cho bị hại là phù hợp.

[6]. Đối với nội dung bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết dứt điểm tranh chấp đất giữa gia đình bị cáo S và gia đình anh X và xem xét việc gia đình anh X khi phá nhà để xây dựng đã làm hỏng và thiệt hại công trình nhà bị cáo, không thuộc phạm vi vụ án hình sự này, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm, phúc thẩm và án phí Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị S; giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm số 34/2021/HS-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 178, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

2.1. Tuyên bố: bị cáo Phạm Thị S phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

2.2. Xử phạt bị cáo Phạm Thị S 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phạm Thị S phải bồi thường cho anh Phạm Văn X và chị Nguyễn Thị T số tiền 7.300.000 đồng (Bảy triệu, ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS, Luật phí và lệ phí năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm, phúc thẩm và án phí Dân sự cho bị cáo Phạm Thị S.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 27/7/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND TP. C;
- CQCSĐT - CA TP. C;
- CQTHAHS-CA TP. C ;
- VKSND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu Tòa; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Yên